

Số: 24/2020/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://quangbinhjsc.com.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2020



PHẠM THỊ NGỌC NINH



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		767.749.825.926	764.652.650.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.637.779.079	20.650.449.942
1. Tiền	111		3.637.779.079	20.650.449.942
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		746.913.374.165	722.670.157.964
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	599.731.188.353	467.694.111.170
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	155.844.228.272	262.774.919.259
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.249.038.540	4.565.034.972
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.911.081.000)	(12.363.907.437)
IV. Hàng tồn kho	140	11	5.652.087.280	9.812.964.256
1. Hàng tồn kho	141		5.652.087.280	9.812.964.256
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.546.585.402	1.519.078.224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	69.736.606	63.833.898
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.476.848.796	1.455.244.326
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		594.095.700.063	743.793.604.271
II. Tài sản cố định	220		97.497.773.616	98.144.568.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	15.096.123.616	15.742.918.330
- Nguyên giá	222		21.684.996.313	21.684.996.313
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.588.872.697)	(5.942.077.983)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	82.401.650.000	82.401.650.000
- Nguyên giá	228		82.401.650.000	82.401.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.059.512.182	1.059.512.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.059.512.182	1.059.512.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	495.462.220.362	644.456.781.888
1. Đầu tư vào công ty con	251		442.800.000.000	442.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		105.881.626.363	105.881.626.363
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	233.503.969.597
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.219.406.001)	(137.728.814.072)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		76.193.903	132.741.871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	76.193.903	132.741.871
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.361.845.525.989	1.508.446.254.657



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		685.908.948.550	820.002.392.972
I. Nợ ngắn hạn	310		553.848.781.954	687.942.226.381
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	185.988.188.648	121.727.285.365
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	88.070.542.633	282.732.269.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	-	4.544.389.058
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	51.472.326.550	34.639.058.602
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	220.541.499.986	236.522.999.977
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
II. Nợ dài hạn	330		132.060.166.596	132.060.166.591
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	132.060.166.596	132.060.166.591
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		675.936.577.439	688.443.861.685
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	675.936.577.439	688.443.861.685
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.806.051.858)	(17.298.767.612)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.298.767.612)	157.023.924.476
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.507.284.246)	(174.322.692.088)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.361.845.525.989	1.508.446.254.657

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2020		Quý II/2019		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	VND
			Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	VND		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	354.649.299.997	710.007.854.909	386.434.693.795	781.239.229.588		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		354.649.299.997	710.007.854.909	386.434.693.795	781.239.229.588		
4. Giá vốn hàng bán	11	22	350.767.430.674	706.117.807.075	384.169.989.129	774.187.409.064		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.881.869.323	3.890.047.834	2.264.704.666	7.051.820.524		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	196.246.037	1.203.803.366	3.357.731.544	9.332.328.499		
7. Chi phí tài chính	22	24	17.729.803.377	18.203.672.886	58.707.914.723	67.912.196.373		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.486.783.179	21.444.258.063	14.337.321.373	23.017.630.118		
8. Chi phí bán hàng	25	25	26.735.598	53.471.196	20.532.979	87.874.636		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	229.670.433	2.373.784.630	185.960.573	2.270.903.340		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(13.908.094.048)	(15.537.077.512)	(53.291.972.065)	(53.886.825.326)		
11. Thu nhập khác	31		3.349.505.004	3.470.256.091	23.498.455	33.393.695		
12. Chi phí khác	32		140.302.801	440.462.825	579.157.458	1.143.501.047		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.209.202.203	3.029.793.266	(555.659.003)	(1.110.107.352)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(10.698.891.845)	(12.507.284.246)	(53.847.631.068)	(54.996.932.678)		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(10.698.891.845)	(12.507.284.246)
			(53.847.631.068)	(54.996.932.678)



Bùi Thái Huyền
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.507.284.246)	(54.996.932.678)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		646.794.714	4.907.750.644
- Các khoản dự phòng	03		(86.962.234.508)	42.587.683.179
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		691.848.473	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		80.216.135.494	(2.106.192.936)
- Chi phí lãi vay	06		21.444.258.063	23.017.630.118
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.529.517.990	13.409.938.327
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.290.931.742)	(47.356.194.225)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.160.876.976	10.447.177.268
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.945.667.149)	247.218.292.025
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		50.645.260	3.405.531.744
Chứng khoán kinh doanh cuối kỳ (CDKT)			-	-
Chứng khoán kinh doanh đầu kỳ (CĐKT)			-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(929.150.458)	(23.017.630.118)
Lãi vay phát sinh trong kỳ (KQKD)			21.444.258.063	-
Trích trước lãi vay cuối kỳ (TM chi phí phải trả)			-	-
Trích trước lãi vay đầu kỳ (TM chi phí phải trả)			-	-
Lãi vay phải trả cuối kỳ (TM phải trả khác)			(51.393.682.246)	-
Lãi vay phải trả đầu kỳ (TM phải trả khác)			30.878.574.641	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.265.027.722)	(2.810.029.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.689.736.845)	201.297.085.566
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(14.330.017.072)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(630.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.800.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		27.638.936.700	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.945.411	2.619.032.476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.661.882.111	(20.868.257.323)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	10.228.999.886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.981.499.986)	(211.867.973.332)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(15.981.499.986)</i>	<i>(201.638.973.446)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.009.354.720)	(21.210.145.203)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.650.449.942	23.649.265.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.316.143)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>3.637.779.079</u>	<u>2.439.120.474</u>

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

200
CỘNG
CỔ
TÀI
QUẢN
BẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.167.342.592	3.165.780.099
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.470.436.487	17.484.669.843
	<u>3.637.779.079</u>	<u>20.650.449.942</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	442.800.000.000	409.950.520.362	(32.849.479.638)	442.800.000.000	422.637.189.138	(20.162.810.862)
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đinh Vũ	432.000.000.000	408.900.961.473	(23.099.038.527)	432.000.000.000	421.470.014.717	(10.529.985.283)
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	10.800.000.000	1.049.558.889	(9.750.441.111)	10.800.000.000	1.167.174.421	(9.632.825.579)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	85.511.700.000	(20.369.926.363)	105.881.626.363	85.511.700.000	(20.369.926.363)
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	85.511.700.000	(20.369.926.363)	105.881.626.363	85.511.700.000	(20.369.926.363)
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	233.503.969.597	136.307.892.750	(97.196.076.847)
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	-	-	-	233.503.969.597	136.307.892.750	(97.196.076.847)
	548.681.626.363	495.462.220.362	(53.219.406.001)	782.185.595.960	644.456.781.888	(137.728.814.074)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng và logistic
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng	54,00%	54,00%	Dịch vụ cảng và logistic

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	36,29%	Kinh doanh thương mại các sản phẩm phân bón và hóa chất sản xuất phân bón

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 30.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	77.867.053.830	77.829.055.817
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	47.575.714.588	47.575.714.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	217.350.742.094	134.055.015.854
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	239.678.020.716	189.990.588.216
Các khoản phải thu khách hàng khác	17.259.657.125	18.243.736.695
	599.731.188.353	467.694.111.170

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	-	-	483.472.047	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu EAG	-	-	153.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	-	-	90.172.060.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt	137.000.000.000	-	-	-
Trả trước khác	18.844.228.272	-	19.119.387.212	(3.126.078.138)
	155.844.228.272	-	262.774.919.259	(3.126.078.138)

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	794.821.918	-	460.739.726	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	29.815.600	-
Ký cược, ký quỹ	305.000.000	-	3.911.103.000	-
Phải thu khác	149.216.622	-	163.376.646	-
	1.249.038.540	-	4.565.034.972	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

10 . NỢ XẤU

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần DAP2-Vinachem	6.952.428.162	3.476.214.081	11.580.396.278	5.968.630.760
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	1.339.747.774	4.465.825.912	1.339.747.774
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
Đối tượng khác	553.837.917	108.647.674	1.007.087.917	244.622.674
	14.835.690.529	4.924.609.529	19.916.908.645	7.553.001.208

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.890.000	-
Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	-	-
Hàng hoá	5.000.000.000	-	9.811.074.256	-
	5.652.087.280	-	9.812.964.256	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUÁNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	11.328.889.536	397.272.773	9.127.713.180	831.120.824	-	21.684.996.313
Tại ngày 30/06/2020	11.328.889.536	397.272.773	9.127.713.180	831.120.824	-	21.684.996.313
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	2.294.089.942	397.272.773	2.636.955.627	613.759.641	-	5.942.077.983
Trích khấu hao	154.082.112	-	456.385.656	36.326.946	-	646.794.714
Tại ngày 30/06/2020	2.448.172.054	397.272.773	3.093.341.283	650.086.587	-	6.588.872.697
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	9.034.799.594	-	6.490.757.553	217.361.183	-	15.742.918.330
Tại ngày 30/06/2020	8.880.717.482	-	6.034.371.897	181.034.237	-	15.096.123.616

G-TF
G-BT
AP-K
IÂN
.TY
182

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	82.401.650.000	-	82.401.650.000
Tại ngày 30/06/2020	82.401.650.000	-	82.401.650.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	82.401.650.000	-	82.401.650.000
Tại ngày 30/06/2020	82.401.650.000	-	82.401.650.000

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	47.962.883	38.045.107
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	21.773.723	25.788.791
	69.736.606	63.833.898
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	41.590.705	82.808.817
Chi phí trả trước dài hạn khác	34.603.198	49.933.054
	76.193.903	132.741.871

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	8.346.941.447	8.346.941.447	92.668.333.224	92.668.333.224
Fagro International	9.660.219.912	9.660.219.912	9.635.322.438	9.635.322.438
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	23.663.940.000	23.663.940.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phân Bón Đình Vũ	79.596.037.005	79.596.037.005	-	-
Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam	21.260.000.000	21.260.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	33.022.950.000	33.022.950.000	-	-
Các khoản phải trả khác	10.438.100.284	10.438.100.284	19.423.629.703	19.423.629.703
	185.988.188.648	185.988.188.648	121.727.285.365	121.727.285.365

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Ông Bùi Tổ Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex) ⁽¹⁾	85.511.700.000	85.511.700.000
Công ty CP Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	-	94.000.000.000
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	-	100.000.000.000
Các khoản người mua ứng tiền trước khác	2.558.842.633	3.220.569.242
	<u><u>88.070.542.633</u></u>	<u><u>282.732.269.242</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

MÃ SỐ B 09-DN

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	58.720.756	179.969.499	238.690.255	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.265.027.722	-	3.265.027.722	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	584.000	584.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.220.640.580	116.538.605	1.337.179.185	-	-	-	-	-	-
		4.544.389.058	297.092.104	4.841.481.162						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.944.824	33.374.824	-	-
Bảo hiểm xã hội	653.820	-	-	-
Bảo hiểm y tế	115.380	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	51.280	-	-	-
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	16.836.986.299	9.207.945.205	-	-
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Thủ đô	16.270.447.332	12.275.047.945	-	-
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	18.286.248.615	9.395.581.491	-	-
Phải trả lãi đặt cọc mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	2.498.630.137	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.879.000	1.228.479.000	-	-
	51.472.326.550	34.639.058.602		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽³⁾	161.360.000.000	161.360.000.000	-	-	161.360.000.000	161.360.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng ⁽⁴⁾	8.423.166.568	-	-	951.499.986	7.471.666.582	7.471.666.582
	169.783.166.568	161.360.000.000	-	951.499.986	168.831.666.582	168.831.666.582
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	37.722.999.972	37.722.999.972			36.771.499.986	36.771.499.986
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	132.060.166.596	123.637.000.028			132.060.166.596	132.060.166.596

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2020	Tỷ lệ	01/01/2020
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	7,21%	50.000.000.000	7,21%	50.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000
Các cổ đông khác	79,52%	551.293.490.000	79,52%	551.293.490.000
	100%	693.299.280.000	100%	693.299.280.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	15.692.449.297	15.692.449.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	707.804.408.796	773.686.686.980
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.203.446.113	7.552.542.608
	710.007.854.909	781.239.229.588
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)	-	-

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	700.539.888.622	758.856.803.503
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.577.918.453	15.330.605.561
	706.117.807.075	774.187.409.064

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	357.027.603	333.081.980
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	163.931.884	5.283.663.406
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.980.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	682.843.879	1.408.120.649
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	327.462.464
	1.203.803.366	9.332.328.499

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.444.258.063	23.017.630.118
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	80.573.163.097	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.811.324	1.068.296.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	691.848.473	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(84.509.408.071)	43.826.196.977
Chi phí tài chính khác	-	73.182
	18.203.672.886	67.912.196.373

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	63.655.515	92.003.001
Chi phí nhân công	3.022.822.962	1.953.560.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	577.882.872	476.175.725
Thuế, phí, lệ phí	-	3.292.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(2.452.826.437)	(1.238.513.798)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	632.439.417	734.169.733
Chi phí khác bằng tiền	529.810.301	250.215.690
	2.373.784.630	2.270.903.340

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	30/06/2020	30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.160.246	362.654.158
Chi phí nhân công	3.022.822.962	3.606.760.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	646.794.714	4.907.750.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.437.392.585	10.956.806.531
Chi phí khác bằng tiền	1.270.254.677	497.725.425
	10.455.425.184	20.331.697.528



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Bùi Thái Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

073
ÔNG
CỔ P
T NH
QUẢN
BẢN

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.
- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý II/2020 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD của Công ty lỗ 10,698 tỷ đồng, giảm 43,15 tỷ đồng so với quý II/2019. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý II/2020 của Công ty đạt 354,649 tỷ đồng, giảm 31,79 tỷ đồng tương ứng giảm 8,22% so với quý II/2019. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 3,161 tỷ đồng so với quý II/2019. Thu nhập khác tăng 3,326 tỷ đồng so với quý II/2019.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 33,403 tỷ đồng, tương ứng giảm 8,69% so với Quý II/2019. Chi phí tài chính giảm 40,978 tỷ đồng tương ứng giảm 69,79% so với quý II/2019 do trong quý II/2020 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ, Cty CP Transworld QBV ICD và các khoản lãi vay ngắn hạn. Chi phí khác giảm 0,439 tỷ so với quý II/2019. Lợi nhuận khác tăng 3,765 tỷ đồng.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý II/2020 tăng 43,15 tỷ đồng tương ứng giảm 80,131% so với quý II/2019.

TOC
Y
AN
KH
BINH
TP. HA

Handwritten signature

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý II/2020 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Thanh Hương